



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

THERAGĀTHĀPĀḲI

&

TẠNG KINH - TIỂU BỘ

TRƯỞNG LÃO KỆ

20. 1. 5.

794. Rūpaṃ disvā sati muṭṭhā piyaṃ nimittaṃ¹ manasikaroto,
sārattacitto vedeti taṃ ca ajjhossa² tiṭṭhati.
795. Tassa vaḍḍhanti vedanā anekā rūpasambhavā,
abhijjhā ca vihesā ca cittaṃ assūpahaññati,
evamācinato dukkhaṃ āra nibbānaṃ vuccati.³
796. Saddaṃ sutvā sati muṭṭhā piyaṃ nimittaṃ manasikaroto,
sārattacitto vedeti taṃ ca ajjhossa tiṭṭhati.
797. Tassa vaḍḍhanti vedanā anekā saddasambhavā,
abhijjhā ca vihesā ca cittaṃ assūpahaññati,
evamācinato dukkhaṃ āra nibbānaṃ vuccati.
798. Gandhaṃ ghatvā sati muṭṭhā piyaṃ nimittaṃ manasikaroto,
sārattacitto vedeti taṃ ca ajjhossa tiṭṭhati.
799. Tassa vaḍḍhanti vedanā anekā gandhasambhavā,
abhijjhā ca vihesā ca cittaṃ assūpahaññati,
evamācinato dukkhaṃ āra nibbānaṃ vuccati.
800. Rasaṃ bhotvā sati muṭṭhā piyaṃ nimittaṃ manasikaroto,
sārattacitto vedeti taṃ ca ajjhossa tiṭṭhati.
801. Tassa vaḍḍhanti vedanā anekā rasasambhavā,
abhijjhā ca vihesā ca cittaṃ assūpahaññati,
evamācinato dukkhaṃ āra nibbānaṃ vuccati.
802. Phassaṃ phussa sati muṭṭhā piyaṃ nimittaṃ manasikaroto,
sārattacitto vedeti taṃ ca ajjhossa tiṭṭhati.
803. Tassa vaḍḍhanti vedanā anekā phassasambhavā,
abhijjhā ca vihesā ca cittaṃ assūpahaññati,
evamācinato dukkhaṃ āra nibbānaṃ vuccati.
804. Dhammaṃ ñatvā sati muṭṭhā piyaṃ nimittaṃ manasikaroto,
sārattacitto vedeti taṃ ca ajjhossa tiṭṭhati.
805. Tassa vaḍḍhanti vedanā anekā dhammasambhavā,
abhijjhā ca vihesā ca cittaṃ assūpahaññati,
evamācinato dukkhaṃ āra nibbānaṃ vuccati.
806. Na so rajjati rūpesu rūpaṃ disvā patissato,
virattacitto vedeti taṃ ca nājjhossa⁴ tiṭṭhati.
807. Yathāssa passato rūpaṃ sevato cā 'pi⁵ vedanaṃ,
khīyati nopacīyati evaṃ so caratī sato,
evaṃ apacinato dukkhaṃ santike nibbānaṃ vuccati.

¹ piyanimittaṃ - Syā, PTS, evaṃ sabbattha.

² ajjhosa - Syā, PTS, evaṃ sabbattha.

³ nibbāna vuccati - Ma, Syā, PTS, Pa, evaṃ sabbattha.

⁴ nājjhosa - Syā, evaṃ sabbattha; najjhosa - PTS, evaṃ sabbattha.

⁵ vāpi - Syā, PTS, evaṃ sabbattha.

20. 1. 5.

794. Sau khi nhìn thấy sắc, đối với người chú ý đến dấu hiệu yêu thích thì niệm bị quên lãng. Người có tâm đã bị luyến ái, biết được và bám víu vào điều ấy, rồi tồn tại.

795. Đối với vị ấy, các thọ, gồm nhiều loại, xuất phát từ sắc, tăng trưởng; do tham lam và do bức bội, tâm của người này bị tổn hại; đối với người đang tích lũy khổ đau như thế, được gọi là cách xa Niết Bàn.

796. Sau khi nghe thính, đối với người chú ý đến dấu hiệu yêu thích thì niệm bị quên lãng. Người có tâm đã bị luyến ái, biết được và bám víu vào điều ấy, rồi tồn tại.

797. Đối với vị ấy, các thọ, gồm nhiều loại, xuất phát từ thính, tăng trưởng; do tham lam và do bức bội, tâm của người này bị tổn hại; đối với người đang tích lũy khổ đau như thế, được gọi là cách xa Niết Bàn.

798. Sau khi ngửi mùi hương, đối với người chú ý đến dấu hiệu yêu thích thì niệm bị quên lãng. Người có tâm đã bị luyến ái, biết được và bám víu vào điều ấy, rồi tồn tại.

799. Đối với vị ấy, các thọ, gồm nhiều loại, xuất phát từ hương, tăng trưởng; do tham lam và do bức bội, tâm của người này bị tổn hại; đối với người đang tích lũy khổ đau như thế, được gọi là cách xa Niết Bàn.

800. Sau khi thường thức vị, đối với người chú ý đến dấu hiệu yêu thích thì niệm bị quên lãng. Người có tâm đã bị luyến ái, biết được và bám víu vào điều ấy, rồi tồn tại.

801. Đối với vị ấy, các thọ, gồm nhiều loại, xuất phát từ vị, tăng trưởng; do tham lam và do bức bội, tâm của người này bị tổn hại; đối với người đang tích lũy khổ đau như thế, được gọi là cách xa Niết Bàn.

802. Sau khi đụng chạm xúc, đối với người chú ý đến dấu hiệu yêu thích thì niệm bị quên lãng. Người có tâm đã bị luyến ái, biết được và bám víu vào điều ấy, rồi tồn tại.

803. Đối với vị ấy, các thọ, gồm nhiều loại, xuất phát từ xúc, tăng trưởng; do tham lam và do bức bội, tâm của người này bị tổn hại; đối với người đang tích lũy khổ đau như thế, được gọi là cách xa Niết Bàn.

804. Sau khi nhận biết pháp, đối với người chú ý đến dấu hiệu yêu thích thì niệm bị quên lãng. Người có tâm đã bị luyến ái, biết được và bám víu vào điều ấy, rồi tồn tại.

805. Đối với vị ấy, các thọ, gồm nhiều loại, xuất phát từ pháp, tăng trưởng; do tham lam và do bức bội, tâm của người này bị tổn hại; đối với người đang tích lũy khổ đau như thế, được gọi là cách xa Niết Bàn.

806. Vị ấy không bị luyến ái ở các sắc, sau khi nhìn thấy sắc, có niệm. Người có tâm không bị luyến ái, biết được và không bám víu vào điều ấy, rồi tồn tại.

807. Đối với vị ấy, trong lúc đang nhìn cũng như đang tiếp xúc với sắc như thế nào mà thọ được cạn kiệt, không được tích lũy, thì vị ấy hành xử như vậy, có niệm; đối với vị không tích lũy khổ đau như thế, được gọi là gần bên Niết Bàn.

808. Na so rajjati saddesu saddaṃ sutvā patissato,
virattacitto vedeti taṃ ca nājjhossa tiṭṭhati.
809. Yathāssa suṇato saddaṃ sevato cā 'pi vedanaṃ,
khīyati nopacīyati evaṃ so caratī sato,
evaṃ apacinato dukkhaṃ santike nibbānaṃ vuccati.
810. Na so rajjati gandhesu gandhaṃ ghatvā patissato,
virattacitto vedeti taṃ ca nājjhossa tiṭṭhati.
811. Yathāssa ghāyato gandhaṃ sevato cā 'pi vedanaṃ,
khīyati nopacīyati evaṃ so caratī sato,
evaṃ apacinato dukkhaṃ santike nibbānaṃ vuccati.
812. Na so rajjati rasesu rasaṃ bhotvā¹ patissato,
virattacitto vedeti taṃ ca nājjhossa tiṭṭhati.
813. Yathāssa sāyato rasaṃ sevato cā 'pi vedanaṃ,
khīyati nopacīyati evaṃ so caratī sato,
evaṃ apacinato dukkhaṃ santike nibbānaṃ vuccati.
814. Na so rajjati phassesu phassaṃ phussa patissato,
virattacitto vedeti taṃ ca nājjhossa tiṭṭhati.
815. Yathāssa phusato phassaṃ sevato cā 'pi vedanaṃ,
khīyati nopacīyati evaṃ so caratī sato,
evaṃ apacinato dukkhaṃ santike nibbānaṃ vuccati.
816. Na so rajjati dhammesu dhammaṃ ñatvā patissato,
virattacitto vedeti taṃ ca nājjhossa tiṭṭhati.
817. Yathāssa vijānato dhammaṃ sevato cā 'pi vedanaṃ,
khīyati nopacīyati evaṃ so caratī sato,
evaṃ apacinato dukkhaṃ santike nibbānaṃ vuccatī "ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā māluṅkyaputto thero gāthāyo abhāsithā "ti.

Māluṅkyaputtattheragāthā.

¹ bhutvā - Sīmu 1, 2.

808. Vị ấy không bị luyến ái ở các thính, sau khi nghe thính, có niệm. Người có tâm không bị luyến ái, biết được và không bám víu vào điều ấy, rồi tồn tại.

809. Đối với vị ấy, trong lúc đang nghe cũng như đang tiếp xúc với thính như thế nào mà thọ được cận kiết, không được tích lũy, thì vị ấy hành xử như vậy, có niệm; đối với vị không tích lũy khổ đau như thế, được gọi là gần bên Niết Bàn.

810. Vị ấy không bị luyến ái ở các hương, sau khi ngửi hương, có niệm. Người có tâm không bị luyến ái, biết được và không bám víu vào điều ấy, rồi tồn tại.

811. Đối với vị ấy, trong lúc đang ngửi cũng như đang tiếp xúc với hương như thế nào mà thọ được cận kiết, không được tích lũy, thì vị ấy hành xử như vậy, có niệm; đối với vị không tích lũy khổ đau như thế, được gọi là gần bên Niết Bàn.

812. Vị ấy không bị luyến ái ở các vị, sau khi nếm vị, có niệm. Người có tâm không bị luyến ái, biết được và không bám víu vào điều ấy, rồi tồn tại.

813. Đối với vị ấy, trong lúc đang nếm cũng như đang tiếp xúc với vị như thế nào mà thọ được cận kiết, không được tích lũy, thì vị ấy hành xử như vậy, có niệm; đối với vị không tích lũy khổ đau như thế, được gọi là gần bên Niết Bàn.

814. Vị ấy không bị luyến ái ở các xúc, sau khi đụng chạm xúc, có niệm. Người có tâm không bị luyến ái, biết được và không bám víu vào điều ấy, rồi tồn tại.

815. Đối với vị ấy, trong lúc đang đụng chạm cũng như đang tiếp xúc với xúc như thế nào mà thọ được cận kiết, không được tích lũy, thì vị ấy hành xử như vậy, có niệm; đối với vị không tích lũy khổ đau như thế, được gọi là gần bên Niết Bàn.

816. Vị ấy không bị luyến ái ở các pháp, sau khi nhận biết pháp, có niệm. Người có tâm không bị luyến ái, biết được và không bám víu vào điều ấy, rồi tồn tại.

817. Đối với vị ấy, trong lúc đang nhận thức cũng như đang tiếp xúc với pháp như thế nào mà thọ được cận kiết, không được tích lũy, thì vị ấy hành xử như vậy, có niệm; đối với vị không tích lũy khổ đau như thế, được gọi là gần bên Niết Bàn.

Đại đức trưởng lão Mālunkyaputta đã nói những lời kệ như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Mālunkyaputta.